

Số: **93/2023/QĐST-HNGĐ**

Quận Hai Bà Trưng, ngày 16 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số **56/2023/TLST-VHNGĐ** ngày 07/02/2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn giữa:

Người yêu cầu:

- **Chị Lê Thị Vân A**, sinh năm 1982; Nơi thường trú: khu H, số 114 M, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

- **Anh Chu Đăng K**, sinh năm 1982; Nơi thường trú: khu H, số 114 M, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Lê Thị Vân A và anh Chu Đăng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 16/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại khu H, số 114 M, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Nay anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng có nguyện vọng được thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự không đồng ý về đoàn tụ, hai bên thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các nội dung: tài sản chung, công nợ chung, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và nghĩa vụ

chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình được ghi nhận tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 08/02/2023.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Vân A và anh Chu Đăng K.

1.2. Về con chung: Chị Lê Thị Vân A và anh Chu Đăng K xác nhận có hai con chung là CHU L, sinh ngày 26/5/2006 và Chu M, sinh ngày 12/12/2007. Giao hai con chung cho chị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vân A và anh K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Sau khi ly hôn, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc hai con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Chị Vân A và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.4. Về công nợ chung: Chị Vân A và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét..

2. Về lệ phí: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để chị Vân A chịu toàn bộ lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013196 ngày 07/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND xã V, TP. V, tỉnh Nghệ An, số 37/2004+2005 ngày 16/5/2005 (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

Phạm Xuân Thủy